TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:100/2021/HS-ST
Ngày 23 - 11 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:98/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn 3, H, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị C;Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Cao Văn T2, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 3, phường P, K, tỉnh Hải Dương.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1.Bà Lê Thị C và Cháu Cao Thị Thanh X (người đại diện cho cháu X là bà Lê Thị C).

2.Chị Nguyễn Thị C1.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 25/8/2020, Lê Văn T đi xe máy (xe T mượn của mẹ là bà Đinh Thị C) đến nhà anh Cao Văn T2 để gặp chị Cao Thị N, sinh năm 1989 (là em gái anh T2). Khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến nơi T đi vào nhà nhưng chị N đi vắng không có nhà. T gặp anh Cao Văn T2 cùng mẹ và con gái anh T2 ở nhà. Do chị N không có nhà nên T đi về, khi đi đến cửa sổ cạnh bể nước phía trước giáp sân nhà anh T2 thì phát hiện tại cửa sổ có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 6S Plus 64GB màu vàng của anh Cao Văn T2 đang cắm sạc pin. Thấy anh T2 và những người trong gia đình anh T2 không ai để ý, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. T đi đến cửa sổ rút sạc pin và lấy chiếc điện thoại Iphone loại 6S plus 64GB cất giấu vào túi quần T đang mặc rồi đi ra lấy xe máy đi đến Công ty xi măng Phúc Sơn ở P - K để làm việc (T làm bảo vệ cho công ty). T bỏ điện thoại ra xem thì thấy điện thoại có khóa mật khẩu nên đã rút sim điện thoại trong máy ra nhai nát rồi vất đi. Đến sáng ngày 26/8/2020, T đem chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại Trương Định của chị Nguyễn Thị C1, ở khu 5, phường P, thị xã K để thuê phá khóa của máy điện thoại, do không thể làm ngay được nên T để lại máy điện thoại và thông tin cá nhân, số điện thoại liên lạc rồi đi về.

Ngày 07/9/2020, anh Cao Văn T2 có đơn trình báo đến Công an phường P. Ngày 09/9/2020, Công an phường P triệu tập Lê Văn T lên làm việc, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cùng ngày, Công an phường P đã bàn giao hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 09/9/2020, Công an phường P tiến hành thu giữ chiếc điện thoại Iphone loại 6S plus 64GB do chị Nguyễn Thị C1 giao nộp. Đối với chiếc sim điện thoại T đã vất đi nên không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 79/HĐĐG ngày 11/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thị xã K, kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus 64GB màu vàng mua mới là: 4.690.000 đồng x 65%= 3.048.500 đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 235/KLGĐ ngày 09/7/2021 của Viện pháp y tâm thần T2 ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo Lê Văn T có hội chứng nghiện rượu. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F10.2. Tại các thời điểm trên bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Ngày 02/01/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trả lại anh T2 chiếc điện thoại Iphone loại 6S plus. Anh T2 không yêu cầu T phải bồi thường về chiếc sim điện thoại.

Quá trình điều tra, Lê Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu liên quan đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 93/CT-VKS ngày 21/10/2021, VKSND thị xã K truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật và không yêu cầu giải quyết gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Vị đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn được tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra quan điểm Đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo vẫn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 25/8/2020, tại nhà anh Cao Văn T2 ở Khu 3, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương, Lê Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus 64GB màu vàng của anh Cao Văn T2, trị giá là 3.048.500 đồng. Do vậy, VKSND thị xã K truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp

tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội nói chung và tại địa phương phường P nói riêng. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả của bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình hoạt động trong quân ngũ bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen, cụ thể: Năm 2005 được Lữ đoàn công binh 239 tặng giấy khen do có thành tích trong phong trào thi đua đột kích 50 ngày đêm thần tốc, quyết T. Năm 2006 được Liên chi đoàn 37 tặng Giấy khen. Năm 2006 được T2 đoàn 293 tặng Bằng khen. Năm 2007 bị cáo được Đảng uỷ T2 đoàn 293 quyết định kết nạp đảng viên dự bị theo quyết định số 99-QĐ/ĐU293 ngày 12/01/2007. Do vậy, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i,s,v khoản 1 điều 51 BLHS là phù hợp.

Ngày 21/01/2007 T thực hiện xong nghĩa vụ quân sự và được chuyển Đảng về Đảng bộ xã H sinh hoạt. Nhưng Lê Văn T không chuyển sinh hoạt đảng về Đảng bộ xã H; Đảng bộ xã H hiện không quản lý đảng viên Lê Văn T. T không phát huy những thành tích đã đạt được, thực hiện hành vi trộm cắp, nên cần buộc T cách ly xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại điều luật có quy định, song xét điều kiện, nhân thân của bị cáo nên không đặt ra việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra việc giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i,s,v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Tòa án báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Công an thị xã K;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại giam CA tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền